

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 7283 /BGDĐT-GDPT
V/v góp ý Dự thảo Đề án phát
triển Chương trình giáo dục
phổ thông giai đoạn 2026-2030,
định hướng đến năm 2045

Hà Nội, ngày 15 tháng 10 năm 2026

Kính gửi: - Ban Tuyên giáo và Dân vận Trung ương;
- Bộ Quốc phòng;
- Bộ Nội vụ;
- Bộ Tài Chính;
- Bộ Tư pháp;
- Bộ Công an;
- Bộ Khoa học và Công nghệ;
- Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch;
- Bộ Dân tộc và Tôn giáo;
- Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố.

Căn cứ Nghị quyết số 51/NQ-CP ngày 18/03/2025 của Chính phủ Ban hành Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Kết luận số 91-KL/TW ngày 12/8/2024 của Bộ Chính trị tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 29-NQ/TW ngày 04/11/2013 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XI "về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo, đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa hội nhập quốc tế", trong đó có nhiệm vụ xây dựng Đề án phát triển Chương trình giáo dục phổ thông giai đoạn 2026-2030, định hướng đến năm 2045. Để triển khai nhiệm vụ, Bộ Giáo dục và Đào tạo dự thảo Đề án phát triển Chương trình giáo dục phổ thông giai đoạn 2026-2031, định hướng đến năm 2045.

Để có căn cứ trình Thủ tướng Chính phủ, Bộ Giáo dục và Đào tạo trân trọng đề nghị Quý đơn vị góp ý Dự thảo đề án (kèm theo Công văn này): Quan điểm, mục tiêu, nhiệm vụ và giải pháp, lộ trình thực hiện, kinh phí; phân công trách nhiệm triển khai Đề án của các Bộ, Ban và địa phương.

Góp ý của Quý đơn vị xin gửi về Bộ Giáo dục và Đào tạo (qua Vụ Giáo dục Phổ thông, số 35 Đại Cồ Việt, Phường Bạch Mai, Hà Nội; địa chỉ email: vugdpt@moet.gov.vn) trước ngày 23/10/2026.

Trân trọng.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Bộ trưởng (để b/c);
- Lưu: VT, Vụ GDPT.

KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG THƯỜNG TRỰC



Phạm Ngọc Thuởng
Phạm Ngọc Thuởng

QUYẾT ĐỊNH

Phê duyệt Đề án "Phát triển Chương trình giáo dục phổ thông giai đoạn 2026-2030, định hướng đến năm 2045"

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 18 tháng 02 năm 2025;

Căn cứ Luật Giáo dục ngày 14 tháng 6 năm 2019; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục ngày 10 tháng 12 năm 2025;

Căn cứ Nghị quyết số 71-NQ/TW ngày 22 tháng 8 năm 2025 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển giáo dục và đào tạo;

Căn cứ Nghị quyết số 51/NQ-CP ngày 18 tháng 3 năm 2025 của Chính phủ ban hành Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Kết luận số 91-KL/TW ngày 12 tháng 8 năm 2024 của Bộ Chính trị tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 29-NQ/TW ngày 04 tháng 11 năm 2013 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XI "Về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo, đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế";

Căn cứ Nghị quyết số 281/NQ-CP ngày 15 tháng 9 năm 2025 của Chính phủ ban hành Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 71-NQ/TW ngày 22 tháng 8 năm 2025 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển giáo dục và đào tạo;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo tại Tờ trình số/TTr-BGDĐT ngày tháng 10 năm 2026 về việc phê duyệt Đề án "Phát triển Chương trình giáo dục phổ thông giai đoạn 2026-2030, định hướng đến năm 2045".

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Đề án "Phát triển Chương trình giáo dục phổ thông giai đoạn 2026-2030, định hướng đến năm 2045" (sau đây gọi tắt là Đề án) với những nội dung sau đây:

I. QUAN ĐIỂM

1. Quán triệt, nâng cao quan điểm phát triển Chương trình giáo dục phổ thông theo hướng hiện đại, hội nhập, lấy người học làm trung tâm, thực hiện công bằng trong giáo dục, đẩy mạnh chuyển đổi số, phát triển con người toàn diện, phục vụ mục tiêu đưa Việt Nam trở thành quốc gia phát triển vào năm 2045.

2. Giáo dục phổ thông là nền tảng hình thành nhân cách, phát triển phẩm chất và năng lực người học, hình thành nguồn nhân lực mới có lòng yêu nước và tự hào dân tộc, đủ bản lĩnh, trí tuệ, năng lực, trình độ, sức khỏe để đáp ứng yêu

cầu xây dựng, phát triển đất nước và bảo vệ Tổ quốc trong giai đoạn phát triển mới, gắn với phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo.

3. Phát triển Chương trình GDPT trên nền tảng Chương trình GDPT 2018, bảo đảm tính kế thừa, ổn định và liên tục; trên cơ sở tổng kết, đánh giá thực tiễn để xác định rõ những nội dung tiếp tục giữ ổn định, những nội dung cần tinh giản, tích hợp, điều chỉnh và những nội dung cần bổ sung, cập nhật; bảo đảm chương trình thiết thực, hiện đại, giảm tải, gắn với thực tiễn và đáp ứng yêu cầu phát triển đất nước trong giai đoạn mới.

Việc bổ sung, cập nhật các nội dung mới không thực hiện theo hướng cộng thêm khối lượng kiến thức và thời lượng học tập; chủ yếu được thực hiện thông qua rà soát, tinh giản, tích hợp, tái cấu trúc nội dung, điều chỉnh yêu cầu cần đạt và đổi mới phương thức tổ chức dạy học, bảo đảm không làm tăng tải đối với học sinh, giáo viên và nhà trường.

4. Người học là trung tâm, là chủ thể của quá trình giáo dục và đào tạo, phát triển năng lực, cá thể hóa học tập, tăng thực hành, trải nghiệm, vận dụng và giải quyết vấn đề; đảm bảo "học đi đôi với hành", "lý thuyết gắn liền với thực tiễn", "nhà trường gắn liền với xã hội". Các môn học trong Chương trình GDPT được tổ chức theo hướng tăng cường trải nghiệm, thực hành và vận dụng kiến thức. Hoạt động trải nghiệm trong môn học là bộ phận hữu cơ của quá trình dạy học, được thực hiện trong tổng thời lượng của môn học, không làm thay đổi mục tiêu, yêu cầu cần đạt và thời lượng môn học.

5. Phát triển Chương trình GDPT bảo đảm cơ hội học tập công bằng, bình đẳng cho mọi người, đáp ứng nhu cầu xã hội, thúc đẩy học tập suốt đời, linh hoạt trong tổ chức thực hiện, phù hợp với bối cảnh kinh tế số, xã hội tri thức, hội nhập quốc tế, tiệm cận trình độ của khu vực và thế giới; thống nhất chuẩn quốc gia về mục tiêu và yêu cầu cần đạt nhưng linh hoạt về phương thức tổ chức thực hiện theo vùng miền, điều kiện nhà trường và đối tượng học sinh; bảo đảm không làm giảm yêu cầu chất lượng giáo dục chung.

II. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu chung

- Đến năm 2030, hoàn thiện và tổ chức thực hiện Chương trình GDPT theo hướng hiện đại, mở, linh hoạt, thực học, thực nghiệp, phát triển toàn diện phẩm chất và năng lực người học; bảo đảm mọi học sinh được trang bị nền tảng tri thức, kỹ năng, phẩm chất và năng lực thiết yếu, có năng lực số, năng lực sử dụng AI, ngoại ngữ, khoa học, công nghệ, khả năng tự học, sáng tạo và thích ứng; thu hẹp chênh lệch về chất lượng giáo dục giữa các vùng miền và nhóm đối tượng.

- Đến năm 2045, hình thành nền giáo dục phổ thông hiện đại, công bằng, chất lượng cao, có khả năng hội nhập quốc tế và thích ứng với những thay đổi nhanh chóng của khoa học, công nghệ và xã hội.

2. Mục tiêu cụ thể giai đoạn 2026-2030

a) Về giáo dục toàn diện và hình thành hệ giá trị con người Việt Nam

- Hoàn thiện Chương trình GDPT theo hướng giáo dục toàn diện đức, trí, thể, mỹ; tích hợp xuyên suốt giáo dục đạo đức, nhân cách, lý tưởng sống, trách

nhiệm xã hội, truyền thống lịch sử, văn hóa dân tộc và hệ giá trị con người Việt Nam trong thời đại mới. Hình thành khung yêu cầu cần đạt về hệ giá trị và phẩm chất người học Việt Nam trong thời đại mới, làm căn cứ thống nhất để phát triển chương trình, sách giáo khoa và đánh giá kết quả giáo dục.

- Toàn bộ chương trình môn học, hoạt động giáo dục được rà soát, xác định rõ yêu cầu về phẩm chất, hệ giá trị con người Việt Nam phù hợp với đặc trưng của từng môn học, cấp học; 100% học sinh được tham gia thường xuyên các hoạt động giáo dục trải nghiệm, giáo dục truyền thống, văn hóa, lịch sử dân tộc, lịch sử địa phương và hoạt động vì cộng đồng.

b) Về năng lực số và trí tuệ nhân tạo

- Đưa năng lực số và năng lực sử dụng trí tuệ nhân tạo vào Chương trình GDPT và trở thành một thành tố quan trọng của năng lực chung của học sinh; hình thành khả năng sử dụng công nghệ số và AI an toàn, có trách nhiệm, hiệu quả và sáng tạo. Xác định rõ vị trí của năng lực số và năng lực sử dụng AI trong cấu trúc năng lực của học sinh; xác định yêu cầu cần đạt về năng lực số, an toàn số, đạo đức số, khai thác và đánh giá thông tin, sử dụng trí tuệ nhân tạo có trách nhiệm, phù hợp với từng cấp học; đồng thời xác định khả năng ứng dụng công nghệ số và trí tuệ nhân tạo trong từng môn học, hoạt động giáo dục.

- 100% chương trình môn học được rà soát để xác định khả năng ứng dụng công nghệ số và AI trong dạy học, học tập và đánh giá; 100% cấp học có nội dung giáo dục về năng lực số, an toàn số, đạo đức số, khai thác thông tin và sử dụng AI phù hợp với lứa tuổi; phần đầu 100% giáo viên phổ thông đạt chuẩn năng lực số cơ bản, trong đó phần lớn giáo viên có khả năng ứng dụng AI trong tổ chức hoạt động học tập và hỗ trợ đánh giá học sinh.

c) Về khoa học, công nghệ, tin học và STEM/STEAM

- Tăng cường vị trí và chất lượng giáo dục khoa học, công nghệ, tin học trong Chương trình GDPT; chuyển mạnh từ học kiến thức sang học thông qua nghiên cứu, thực hành, trải nghiệm và tạo sản phẩm; tăng thời lượng học tập về khoa học, công nghệ, tin học; hình thành mạng lưới liên kết giữa trường phổ thông với cơ sở giáo dục đại học, viện nghiên cứu, doanh nghiệp và trung tâm khoa học, công nghệ để hỗ trợ giáo dục STEM/STEAM và phát triển tài năng.

- Hoàn thành rà soát, cập nhật Chương trình GDPT đối với các môn khoa học, công nghệ, tin học theo hướng hiện đại, cập nhật thành tựu khoa học và công nghệ mới; 100% cơ sở giáo dục phổ thông tổ chức giáo dục STEM/STEAM ở mức độ phù hợp với điều kiện thực tế; 100% học sinh được tham gia các hoạt động thực hành, thí nghiệm, nghiên cứu khoa học hoặc trải nghiệm công nghệ phù hợp với cấp học, lứa tuổi.

- Xác định rõ vị trí của giáo dục STEM/STEAM trong Chương trình GDPT theo hướng là phương thức tổ chức hoạt động giáo dục liên môn, thực hành, trải nghiệm, nghiên cứu và giải quyết vấn đề; được triển khai linh hoạt thông qua môn học, hoạt động giáo dục và các hoạt động trải nghiệm, không hình thành thêm môn học bắt buộc nếu không có yêu cầu riêng về chương trình, thời lượng và chuẩn đầu ra.

d) Về giáo dục nghệ thuật, thể chất, hướng nghiệp và kỹ năng

- Bảo đảm giáo dục phổ thông phát triển hài hòa giữa trí tuệ, thể chất, tinh thần, thẩm mỹ, kỹ năng và định hướng nghề nghiệp. Xây dựng hệ thống yêu cầu cần đạt về kỹ năng mềm, kỹ năng sống, năng lực tự chủ, giao tiếp, hợp tác và thích ứng theo từng cấp học. Tăng thời lượng các hoạt động giáo dục nghệ thuật, thể thao.

- 100% học sinh tại các cơ sở giáo dục phổ thông: được tham gia thường xuyên các hoạt động giáo dục thể chất, nghệ thuật, sức khỏe và kỹ năng sống; được triển khai giáo dục sức khỏe, dinh dưỡng học đường và sức khỏe tinh thần phù hợp với lứa tuổi; được thực hiện hoạt động giáo dục hướng nghiệp và trải nghiệm nghề nghiệp phù hợp với từng cấp học phổ thông.

đ) Về ngoại ngữ và tiếng Anh

- Nâng cao thực chất năng lực ngoại ngữ của học sinh; tạo môi trường sử dụng tiếng Anh trong nhà trường; từng bước thực hiện chủ trương đưa tiếng Anh trở thành ngôn ngữ thứ hai trong trường học; xây dựng và triển khai bộ tiêu chí xác định trường học đủ điều kiện thực hiện dạy học một số môn học bằng tiếng Anh.

- Hoàn thiện chuẩn đầu ra năng lực tiếng Anh theo từng cấp học, gắn với Khung năng lực ngoại ngữ Việt Nam và chuẩn quốc tế phù hợp; 100% học sinh được học tiếng Anh theo chương trình thống nhất về chuẩn đầu ra; phần đầu ít nhất 30% cơ sở giáo dục phổ thông đủ điều kiện tổ chức dạy học một số môn học, hoạt động giáo dục, câu lạc bộ bằng tiếng Anh; các cơ sở giáo dục phổ thông đủ điều kiện triển khai mô hình tăng cường sử dụng tiếng Anh như ngôn ngữ thứ hai trong các hoạt động học đường;

e) Về phương pháp giáo dục, tự học, tư duy và kiểm tra đánh giá

- Chuyển mạnh sang mô hình giáo dục phát triển phẩm chất, năng lực; tăng cường tự học, học tập trải nghiệm, thực hành, tư duy độc lập, tư duy phản biện, sáng tạo và năng lực giải quyết vấn đề; xây dựng và hoàn thiện công cụ đánh giá năng lực, đặc biệt đối với năng lực giải quyết vấn đề, sáng tạo, năng lực số và khả năng vận dụng kiến thức; giảm dần sự phụ thuộc vào đánh giá ghi nhớ kiến thức; tăng tỷ trọng đánh giá năng lực vận dụng và giải quyết vấn đề trong các kì kiểm tra đánh giá phù hợp với từng cấp học.

Việc đổi mới kiểm tra, đánh giá phải được thiết kế đồng bộ với yêu cầu cần đạt của Chương trình GDPT sau phát triển; từng bước khai thác dữ liệu học tập và công nghệ số để hỗ trợ đánh giá quá trình và sự tiến bộ của học sinh, đồng thời bảo đảm tính chính xác, công bằng, minh bạch, an toàn và bảo vệ dữ liệu cá nhân.

- 100% chương trình môn học và hoạt động giáo dục được thiết kế theo hướng tăng cường hoạt động của người học và khả năng vận dụng kiến thức vào thực tiễn. 100% cơ sở giáo dục phổ thông triển khai phương pháp và hình thức tổ chức dạy học tích cực, trải nghiệm, dự án hoặc nghiên cứu phù hợp với điều kiện nhà trường; phần đầu ít nhất 50% hoạt động đánh giá thường xuyên ở các cấp học được thực hiện thông qua sản phẩm học tập, dự án, thực hành, trải nghiệm hoặc nhiệm vụ vận dụng.

g) Về phát triển cấu trúc Chương trình GDPT

Rà soát, hoàn thiện cấu trúc Chương trình GDPT theo hướng xác định rõ vị trí, chức năng và mối quan hệ giữa môn học, hoạt động giáo dục, hoạt động trải

nghiệm, chuyên đề, giáo dục STEM/STEAM, giáo dục hướng nghiệp và môi trường học tập số; bảo đảm các thành tố của chương trình bổ trợ lẫn nhau, không chồng chéo nội dung, không làm tăng tải học tập và tạo điều kiện để nhà trường tổ chức giáo dục linh hoạt, phù hợp với đặc điểm học sinh và điều kiện thực tiễn.

3. Mục tiêu định hướng đến năm 2045

a) Hình thành thể hệ công dân Việt Nam phát triển toàn diện, có bản lĩnh, nhân cách, năng lực và trách nhiệm xã hội; 100% chương trình được tổ chức theo hướng phát triển toàn diện phẩm chất, năng lực; giáo dục giá trị, đạo đức, văn hóa được tích hợp xuyên suốt; phát triển con người toàn diện về thể chất, tinh thần và thẩm mỹ; 100% học sinh được tiếp cận bình đẳng với giáo dục thể chất, nghệ thuật, sức khỏe và dinh dưỡng.

b) Chương trình giáo dục phổ thông được phát triển thành một chương trình giáo dục mở, linh hoạt, cá thể hóa ở mức cao, có khả năng cập nhật thường xuyên theo sự phát triển của khoa học, công nghệ và xã hội, đáp ứng yêu cầu đào tạo công dân Việt Nam có năng lực cạnh tranh quốc tế, có bản sắc văn hóa dân tộc và khả năng học tập suốt đời.

c) 100% cơ sở giáo dục phổ thông tổ chức triển khai thực hiện Chương trình GDPT trên nền tảng số, có khả năng cá thể hóa việc học và khai thác AI; tiếng Anh được sử dụng rộng rãi trong môi trường giáo dục; giáo dục STEM/STEAM, nghiên cứu khoa học và đổi mới sáng tạo trở thành thành tố phổ biến của giáo dục phổ thông.

d) Phương pháp dạy học và kiểm tra đánh giá được cá thể hóa và thích ứng hóa quá trình học tập dựa trên dữ liệu, công nghệ và AI; quá trình học tập được hỗ trợ bởi nền tảng số và công cụ học tập thông minh; đánh giá thực chất về phẩm chất, năng lực và quá trình phát triển của người học; hệ thống đánh giá kết hợp giữa đánh giá thường xuyên, đánh giá quá trình, sản phẩm, dự án, thực hành và dữ liệu học tập.

III. NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP

Việc phát triển Chương trình GDPT được triển khai theo một quy trình thống nhất, liên tục: rà soát, đánh giá Chương trình GDPT 2018, xác định nội dung giữ ổn định, tinh giản, tích hợp, điều chỉnh và bổ sung, xác định yêu cầu cần đạt, thiết kế cấu trúc chương trình, đổi mới tổ chức dạy học, kiểm tra, đánh giá; chỉnh sửa và hoàn thiện sách giáo khoa, học liệu bảo đảm điều kiện thực hiện, triển khai, theo dõi, đánh giá và cập nhật chương trình.

1. Rà soát Chương trình GDPT 2018

a) Tổ chức rà soát, đánh giá toàn diện việc triển khai thực hiện Chương trình GDPT 2018 trên phạm vi toàn quốc; mức độ đáp ứng của Chương trình giáo dục phổ thông 2018 đối với các quan điểm, mục tiêu, nhiệm vụ và giải pháp được xác định tại Nghị quyết số 71-NQ/TW ngày 22/8/2025 của Bộ Chính trị ngày 22/8/2025 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển giáo dục và đào tạo và Thông báo số 160-TB/VPTW; mức độ đáp ứng mục tiêu phát triển phẩm chất, năng lực học sinh, tính khoa học, hiện đại, tính liên thông, tính khả thi và sự phù hợp với điều kiện thực tiễn của các vùng, miền, địa phương và cơ sở giáo dục.

b) Xác định rõ những nội dung cần tiếp tục kế thừa, duy trì ổn định; những nội dung còn bất cập, chồng chéo, chưa phù hợp cần điều chỉnh, tinh giản; những nội dung cần bổ sung, cập nhật nhằm đáp ứng yêu cầu phát triển đất nước và hội nhập quốc tế trong giai đoạn mới; trên cơ sở đó, đề xuất quan điểm, nguyên tắc, định hướng phát triển nội dung và cơ cấu Chương trình giáo dục phổ thông giai đoạn 2026–2030, định hướng đến năm 2045. Đối với từng nội dung điều chỉnh phải xác định rõ tác động đến yêu cầu cần đạt, thời lượng, phương pháp tổ chức dạy học, kiểm tra đánh giá, sách giáo khoa, học liệu và điều kiện thực hiện.

c) Rà soát, đánh giá Chương trình GDPT khách quan, khoa học, chính xác; huy động sự tham gia đánh giá của các lực lượng giáo dục như chuyên gia, nhà khoa học, giáo viên tham gia rà soát đánh giá Chương trình GDPT 2018; tổng hợp các kết quả rà soát, đánh giá chương trình giáo dục phổ thông; tổng hợp các điều chỉnh về Chương trình GDPT của những năm trước đây.

d) Kết quả rà soát Chương trình GDPT 2018 phải được thể hiện bằng các sản phẩm cụ thể, gồm: báo cáo tổng kết, đánh giá; nội dung, kế hoạch giáo dục đối với Chương trình GDPT tổng thể, Chương trình GDPT môn học, hoạt động giáo dục; phương án điều chỉnh yêu cầu cần đạt; đánh giá tác động đối với thời lượng, đội ngũ, sách giáo khoa, học liệu, kiểm tra đánh giá và điều kiện thực hiện.

2. Phát triển và hiện đại hóa Chương trình giáo dục phổ thông

a) Nghiên cứu phát triển chương trình tổng thể và chương trình các môn học, hoạt động giáo dục theo định hướng giữ vững những giá trị cốt lõi, mục tiêu, định hướng và kết quả đã được qua thực tế triển khai; tinh giản, tích hợp, phân hóa, hiện đại hóa; bảo đảm tính thống nhất, liên thông giữa các cấp học, lớp học;

b) Chủ động cập nhật tri thức mới, phương thức giáo dục mới, nâng cao chất lượng và hiệu quả thực hiện chương trình, tăng cường giáo dục khoa học, công nghệ, chuyển đổi số, trí tuệ nhân tạo, ngoại ngữ, giáo dục hướng nghiệp, giáo dục môi trường và phát triển bền vững; tăng cường giáo dục đạo đức, lịch sử, văn hóa, khoa học, công nghệ, tin học, nghệ thuật, thể chất, sức khỏe, hướng nghiệp; tăng cường tính linh hoạt trong tổ chức thực hiện chương trình, phát huy quyền chủ động của cơ sở giáo dục, bảo đảm phù hợp với đặc điểm người học và điều kiện thực tiễn.

c) Rà soát, chỉnh sửa, bổ sung, cập nhật yêu cầu cần đạt của từng môn học, hoạt động giáo dục theo hướng thiết thực, cốt lõi, giảm yêu cầu ghi nhớ máy móc, tăng yêu cầu thực hành, vận dụng, giải quyết vấn đề và sáng tạo. Bảo đảm sự đồng bộ giữa phát triển chương trình giáo dục phổ thông với rà soát, chỉnh sửa, hoàn thiện sách giáo khoa, phát triển học liệu giáo dục, đổi mới kiểm tra, đánh giá; tăng cường thực hành, trải nghiệm, vận dụng và học tập gắn với thực tiễn; đổi mới phương thức tổ chức giáo dục và cá thể hóa việc học.

d) Đối với các lĩnh vực có tốc độ phát triển nhanh như trí tuệ nhân tạo, công nghệ số, STEM/STEAM, khoa học công nghệ, môi trường và phát triển bền vững, chương trình được thiết kế theo hướng xác định nội dung cốt lõi ổn định và nội dung mở có khả năng cập nhật; hạn chế quy định cứng trong chương trình quốc

gia những nội dung có tốc độ thay đổi nhanh, tạo điều kiện để học liệu và phương thức tổ chức dạy học được cập nhật kịp thời.

đ) Xây dựng lộ trình triển khai phù hợp, bảo đảm tính kế thừa, tính liên tục, thống nhất trong tổ chức dạy học, quyền lợi học tập của học sinh và điều kiện thực hiện của nhà trường; hạn chế tối đa tác động bất lợi đối với học sinh, giáo viên, cơ sở giáo dục và hệ thống quản lý giáo dục.

e) Tổ chức tham vấn chuyên gia, nhà khoa học, cán bộ quản lý, giáo viên và các cơ sở giáo dục; xây dựng phương án điều chỉnh, bổ sung chương trình; tổ chức thực nghiệm, đánh giá tác động và hoàn thiện trước khi trình cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định; đào tạo, bồi dưỡng giáo viên và các điều kiện bảo đảm thực hiện chương trình.

3. Đổi mới phương pháp, hình thức tổ chức dạy học, kiểm tra, đánh giá và công nhận kết quả học tập

a) Tập trung hướng dẫn việc đổi mới phương pháp dạy học, hình thức tổ chức dạy học theo hướng chuyển mạnh từ truyền thụ kiến thức sang tổ chức hoạt động học tập, phát triển tư duy độc lập, năng lực tự học, giải quyết vấn đề, sáng tạo và vận dụng kiến thức vào thực tiễn; tăng cường các phương pháp dạy học tích cực, dạy học theo hướng phân hóa, cá thể hóa phù hợp với mục tiêu, nội dung và yêu cầu cần đạt của chương trình giáo dục phổ thông sau phát triển. Tổ chức dạy học theo hướng kết hợp giữa học tập trên lớp với thực hành, trải nghiệm, dự án, nghiên cứu, hoạt động cộng đồng và vận dụng kiến thức; tăng cường sử dụng môi trường số, học liệu số và công cụ trí tuệ nhân tạo phù hợp để hỗ trợ cá thể hóa việc học, nhưng không thay thế vai trò của giáo viên và các hoạt động tương tác trực tiếp.

b) Hướng dẫn về đổi mới kiểm tra, đánh giá kết quả giáo dục theo định hướng phát triển phẩm chất, năng lực. Trong đó, chuyển trọng tâm đánh giá từ kiểm tra khả năng ghi nhớ kiến thức sang đánh giá khả năng hiểu, vận dụng, phân tích, giải quyết vấn đề và sáng tạo; đa dạng hóa các phương pháp, hình thức và công cụ đánh giá; xây dựng, hoàn thiện các tiêu chí, chỉ báo và công cụ đánh giá phẩm chất, năng lực theo yêu cầu cần đạt của từng môn học, hoạt động giáo dục; tăng cường sử dụng kết quả đánh giá để điều chỉnh hoạt động dạy học, hỗ trợ sự tiến bộ của học sinh, thay vì chỉ phục vụ xếp loại kết quả học tập; đổi mới nội dung, phương thức kiểm tra, đánh giá trên nền tảng công nghệ số và trí tuệ nhân tạo.

c) Tổ chức biên soạn tài liệu và bồi dưỡng giáo viên về phương pháp dạy học, hình thức tổ chức dạy học, kiểm tra, đánh giá theo yêu cầu của chương trình sau phát triển; bồi dưỡng năng lực ứng dụng công nghệ số, AI trong thiết kế bài học, tổ chức dạy học và kiểm tra, đánh giá. Đổi mới sinh hoạt tổ chuyên môn, sinh hoạt chuyên môn theo cụm trường, phân tích hoạt động học của học sinh và chia sẻ kinh nghiệm thực tiễn; xây dựng mạng lưới giáo viên cốt cán, chuyên gia hỗ trợ đổi mới phương pháp dạy học và kiểm tra, đánh giá.

4. Điều kiện bảo đảm Chương trình GDPT

a) Phát triển đội ngũ cán bộ quản lý giáo dục và giáo viên, năng lực thực hiện chương trình

- Rà soát, đánh giá thực trạng, xác định nhu cầu về đội ngũ cán bộ quản lý giáo dục các cấp, đội ngũ giáo viên theo cấp học, môn học, địa bàn, trình độ đào tạo, năng lực chuyên môn và năng lực thực hiện Chương trình GDPT; xây dựng phương án phát triển đội ngũ bảo đảm đủ số lượng, đồng bộ về cơ cấu, đạt chuẩn trình độ đào tạo và đáp ứng yêu cầu đổi mới giáo dục.

- Tập trung khắc phục tình trạng thiếu giáo viên ở các môn học, lĩnh vực giáo dục, nhất là ngoại ngữ, tin học, nghệ thuật, công nghệ; nghiên cứu cơ chế điều phối, sử dụng đội ngũ giáo viên linh hoạt giữa các cơ sở giáo dục, phù hợp với điều kiện thực tiễn của địa phương. Dự báo nhu cầu giáo viên trung hạn và dài hạn theo quy mô học sinh, cơ cấu môn học và phương án phát triển chương trình; tăng cường phối hợp giữa Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ Nội vụ, UBND cấp tỉnh, cơ sở đào tạo giáo viên trong tuyển dụng, đào tạo và sử dụng đội ngũ.

- Tổ chức bồi dưỡng cập nhật chương trình, nội dung môn học, phương pháp dạy học, hình thức tổ chức dạy học, kiểm tra, đánh giá; năng lực dạy học tích hợp, liên môn; STEM/STEAM, giáo dục hướng nghiệp, tổ chức hoạt động trải nghiệm; phát triển năng lực dạy học trong môi trường số, ứng dụng AI và khai thác học liệu số; năng lực tự chủ chuyên môn và phát triển chương trình giáo dục nhà trường; kết hợp các hình thức bồi dưỡng giáo viên: bồi dưỡng theo đợt, bồi dưỡng thường xuyên, liên tục, kết hợp trực tiếp, trực tuyến, tự học và hỗ trợ tại cơ sở giáo dục phổ thông; xây dựng hệ thống dữ liệu theo dõi năng lực, nhu cầu bồi dưỡng và kết quả phát triển nghề nghiệp giáo viên.

b) Bảo đảm cơ sở vật chất, thiết bị, học liệu và môi trường giáo dục

- Rà soát, đánh giá toàn diện thực trạng cơ sở vật chất, thiết bị dạy học, học liệu và môi trường giáo dục tại các cơ sở giáo dục phổ thông; xác định nhu cầu đầu tư, nâng cấp, bổ sung theo yêu cầu của Chương trình giáo dục phổ thông được phát triển, quy mô học sinh và điều kiện thực tiễn của từng địa phương, vùng miền; ưu tiên đầu tư cho các địa bàn khó khăn, vùng dân tộc thiểu số, miền núi, biên giới, hải đảo, bảo đảm điều kiện thực hiện chương trình không trở thành nguyên nhân làm gia tăng chênh lệch chất lượng giáo dục.

- Rà soát, hoàn thiện tiêu chuẩn, quy chuẩn, danh mục cơ sở vật chất và thiết bị dạy học tối thiểu; xây dựng định hướng phát triển cơ sở vật chất, thiết bị giáo dục theo hướng chuẩn hóa, hiện đại hóa, đáp ứng yêu cầu tổ chức dạy học tích hợp, phân hóa, thực hành, trải nghiệm, STEM/STEAM, giáo dục hướng nghiệp và phát triển năng lực số, trí tuệ nhân tạo.

- Tập trung đầu tư, kiên cố hóa, hiện đại hóa trường lớp; bảo đảm đủ phòng học, phòng học bộ môn, phòng thực hành, thư viện, thiết bị dạy học, công trình phụ trợ và các điều kiện thiết yếu; ưu tiên đầu tư cho vùng khó khăn, vùng dân tộc thiểu số, miền núi, biên giới, hải đảo và các địa bàn còn thiếu điều kiện bảo đảm chất lượng giáo dục; tăng cường cơ sở vật chất phục vụ dạy học 02 buổi/ngày.

- Hoàn thiện sách giáo khoa theo Chương trình GDPT sau chỉnh sửa, tổ chức thẩm định và ban hành phê duyệt sách giáo khoa sử dụng thống nhất trong các cơ sở giáo dục phổ thông; Bảo đảm sách giáo khoa, học liệu thiết yếu và từng bước thực hiện mục tiêu sách giáo khoa miễn phí cho học sinh theo Nghị quyết

số 71-NQ/TW ngày 22 tháng 8 năm 2025 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển giáo dục và đào tạo.

- Phát triển hạ tầng công nghệ, nền tảng giáo dục số, thư viện số, kho học liệu số và tài nguyên giáo dục mở; tăng cường ứng dụng công nghệ số, trí tuệ nhân tạo trong quản lý, tổ chức hoạt động dạy học, kiểm tra, đánh giá và hỗ trợ học tập; bảo đảm an toàn thông tin, bảo vệ dữ liệu cá nhân và công bằng trong tiếp cận học liệu.

- Xây dựng môi trường giáo dục an toàn, lành mạnh, dân chủ, thân thiện, sáng tạo và bao trùm; bảo đảm điều kiện giáo dục đạo đức, thể chất, thẩm mỹ, kỹ năng sống, tư vấn tâm lý học đường, dinh dưỡng học đường, phòng chống bạo lực học đường và bảo vệ học sinh trên không gian mạng.

- Xây dựng cơ chế theo dõi, đánh giá mức độ đáp ứng điều kiện thực hiện chương trình tại các cơ sở giáo dục; định kỳ kiểm tra, đánh giá hiệu quả khai thác, sử dụng cơ sở vật chất, thiết bị và học liệu; kịp thời đề xuất giải pháp khắc phục những hạn chế, bất cập; tăng cường kiểm tra, giám sát, đánh giá hiệu quả đầu tư và sử dụng nguồn lực, bảo đảm công khai, minh bạch, tiết kiệm và hiệu quả.

c) Đổi mới quản trị và huy động nguồn lực thực hiện Chương trình

- Rà soát, hoàn thiện cơ chế, chính sách và các quy định về quản trị cơ sở giáo dục phổ thông theo hướng tăng cường tự chủ, tự chịu trách nhiệm, giảm thủ tục hành chính, nâng cao hiệu quả quản lý và chất lượng giáo dục; phân định rõ trách nhiệm, thẩm quyền của cơ quan quản lý giáo dục, người đứng đầu cơ sở giáo dục, tổ chuyên môn và giáo viên.

- Phát triển năng lực quản trị của hiệu trưởng và cán bộ quản lý giáo dục đáp ứng yêu cầu thực hiện Chương trình giáo dục phổ thông được phát triển; chú trọng năng lực quản trị chiến lược, quản trị chương trình, đội ngũ, chất lượng, tài chính, cơ sở vật chất, chuyển đổi số, dữ liệu, trí tuệ nhân tạo và quản trị sự thay đổi.

- Đổi mới quản trị việc thực hiện chương trình theo hướng nhà trường chủ động xây dựng và tổ chức thực hiện kế hoạch giáo dục nhà trường phù hợp với điều kiện thực tế, đặc điểm học sinh và yêu cầu phát triển địa phương; quản lý theo yêu cầu cần đạt và kết quả giáo dục, tăng cường theo dõi, đánh giá và điều chỉnh trong quá trình thực hiện.

- Đổi mới quản trị đội ngũ giáo viên theo hướng phát triển năng lực nghề nghiệp, khuyến khích tự học, tự bồi dưỡng, nghiên cứu bài học, đổi mới sáng tạo và chia sẻ chuyên môn; giảm hồ sơ, sổ sách và các hoạt động hành chính không cần thiết, dành nguồn lực và thời gian cho hoạt động chuyên môn.

- Đẩy mạnh chuyển đổi số và ứng dụng trí tuệ nhân tạo trong quản trị nhà trường; xây dựng hệ thống dữ liệu phục vụ quản lý học sinh, đội ngũ, chương trình, cơ sở vật chất và chất lượng giáo dục; từng bước chuyển sang quản trị dựa trên dữ liệu, phân tích và dự báo; bảo đảm an toàn thông tin và bảo vệ dữ liệu cá nhân.

- Xây dựng và vận hành hệ thống bảo đảm chất lượng bên trong nhà trường; đổi mới tự đánh giá, đánh giá ngoài và cải tiến chất lượng; tăng cường trách nhiệm giải trình, công khai, minh bạch về điều kiện bảo đảm và kết quả giáo dục; khắc phục bệnh thành tích và các biểu hiện quản lý hình thức; xây dựng môi trường giáo dục dân chủ, kỷ cương, an toàn, lành mạnh, thân thiện và hạnh phúc; tăng

cường sự tham gia của giáo viên, học sinh và cha mẹ học sinh; phát triển quan hệ phối hợp giữa nhà trường, gia đình và xã hội trong giáo dục học sinh.

- Đổi mới quản trị việc thực hiện Chương trình GDPT phải chuyển từ quản lý việc thực hiện các hoạt động giáo dục sang quản lý theo yêu cầu cần đạt và kết quả giáo dục; sử dụng dữ liệu để theo dõi mức độ thực hiện chương trình, phát hiện những nội dung khó thực hiện, những yêu cầu chưa phù hợp và những chênh lệch về điều kiện thực hiện giữa các vùng, miền, làm căn cứ điều chỉnh chính sách và phát triển chương trình.

5. Theo dõi, đánh giá và cập nhật Chương trình GDPT

Thiết lập cơ chế theo dõi, đánh giá định kỳ việc thực hiện Chương trình GDPT trên cơ sở dữ liệu về kết quả học tập, mức độ đáp ứng yêu cầu cần đạt, điều kiện thực hiện và phản hồi của giáo viên, học sinh, cơ sở giáo dục và các bên liên quan; định kỳ rà soát, xác định những nội dung cần tiếp tục giữ ổn định, những nội dung cần tinh giản, tích hợp, điều chỉnh hoặc cập nhật; việc điều chỉnh chương trình phải có căn cứ khoa học, thực tiễn, đánh giá tác động và lộ trình thực hiện phù hợp, bảo đảm tính ổn định và liên tục của hệ thống giáo dục.

IV. LỘ TRÌNH THỰC HIỆN

1. Giai đoạn 2026–2030

a) Năm 2026

- Tập trung rà soát, đánh giá toàn diện Chương trình GDPT; cập nhật nội dung về khoa học, công nghệ, năng lực số và AI; hoàn thiện chuẩn năng lực số, năng lực AI và ngoại ngữ; tăng cường giáo dục nghệ thuật, đổi mới phương pháp dạy học và kiểm tra đánh giá; phát triển STEM/STEAM, nghiên cứu khoa học, trải nghiệm và hướng nghiệp.

- Điều chỉnh, bổ sung Chương trình tổng thể, Chương trình môn học và hoạt động giáo dục bảo đảm được yêu cầu của Nghị quyết số 71-NQ/TW ngày 22 tháng 8 năm 2025 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển giáo dục và đào tạo; mục tiêu trọng tâm là giáo dục phổ thông là nền tảng, tạo chuyển biến rõ nét về chất lượng và tính hiện đại của Chương trình GDPT.

b) Năm 2027

- Tổ chức chỉnh sửa sách giáo khoa và các học liệu kèm theo; tổ chức thẩm định sách giáo khoa và quyết định ban hành sách giáo khoa sau chỉnh sửa để sử dụng thống nhất trong các cơ sở giáo dục phổ thông trên toàn quốc.

- Tổ chức tập huấn giáo viên triển khai nội dung Chương trình GDPT sau điều chỉnh bổ sung; tập huấn hướng dẫn sử dụng sách giáo khoa sau chỉnh sửa, hoàn thiện.

- Chuẩn bị các điều kiện bảo đảm giáo dục về đội ngũ giáo viên, cơ sở vật chất để triển khai Chương trình GDPT.

c) Từ năm học 2028–2029: tổ chức triển khai Chương trình GDPT sau phát triển theo lộ trình phù hợp; theo dõi, đánh giá và kịp thời điều chỉnh những vấn đề phát sinh trong quá trình thực hiện; tổ chức sơ kết Đề án.

2. Giai đoạn 2031–2035

- Triển khai tổ chức thực hiện và nâng cao chất lượng giáo dục phổ thông; tiếp tục cập nhật Chương trình GDPT theo sự phát triển của khoa học, công nghệ và thị trường lao động; mở rộng giáo dục cá thể hóa, học tập kết hợp và ứng dụng AI; mở rộng dạy học bằng tiếng Anh; nâng cao chất lượng STEM/STEAM và phát triển tài năng.

- Mục tiêu trọng tâm: Chương trình GDPT đạt mức tiên tiến trong khu vực châu Á, có khả năng cạnh tranh và hội nhập quốc tế; góp phần thực hiện mục tiêu đến năm 2035 hệ thống giáo dục tiếp tục được hiện đại hóa, có bước tiến mạnh, vững chắc về tiếp cận, công bằng và chất lượng.

- Tổ chức tổng kết Đề án, xây dựng định hướng đổi mới Chương trình giáo dục phổ thông để triển khai sau năm 2035.

3. Định hướng đến năm 2045

- Chuyển từ đổi mới chương trình theo chu kỳ sang mô hình chương trình mở và cập nhật liên tục; phát triển mạnh giáo dục cá thể hóa, AI, dữ liệu học tập, nghiên cứu khoa học, sáng tạo và năng lực toàn cầu; xây dựng môi trường giáo dục đa ngôn ngữ và hội nhập quốc tế.

- Mục tiêu trọng tâm: hình thành nền giáo dục phổ thông hiện đại, công bằng, chất lượng cao, góp phần thực hiện mục tiêu đến năm 2045 Việt Nam có hệ thống giáo dục quốc dân hiện đại, công bằng và chất lượng, đứng vào nhóm 20 quốc gia hàng đầu thế giới.

V. KINH PHÍ THỰC HIỆN

1. Kinh phí thực hiện Đề án bảo đảm từ các nguồn hợp pháp theo quy định của pháp luật, gồm:

a) Ngân sách nhà nước theo phân cấp ngân sách nhà nước hiện hành, bảo đảm đúng quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước. Các bộ, ngành, địa phương căn cứ chức năng, nhiệm vụ được giao để chủ động cân đối, bố trí kinh phí để thực hiện nhiệm vụ của Đề án theo quy định của pháp luật.

b) Tăng cường nguồn vốn lồng ghép với các Đề án, chương trình mục tiêu quốc gia, kế hoạch liên quan đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt theo quy định của pháp luật, bảo đảm hiệu quả, tránh trùng lặp, chồng chéo.

c) Huy động các tổ chức, doanh nghiệp, cá nhân, cộng đồng trong và ngoài nước cùng tham gia đầu tư, tài trợ kinh phí thực hiện Đề án theo quy định của pháp luật.

d) Nguồn thu hợp pháp của các cơ sở giáo dục, cơ sở đào tạo, bồi dưỡng giáo viên và cán bộ quản lý cơ sở giáo dục mầm non, phổ thông và các nguồn kinh phí hợp pháp khác (nếu có) theo quy định của pháp luật.

đ) Việc bố trí kinh phí thực hiện Đề án phải căn cứ vào nhiệm vụ được cấp có thẩm quyền phê duyệt, tiến độ thực hiện, khả năng cân đối ngân sách và yêu cầu bảo đảm hiệu quả, tiết kiệm, công khai, minh bạch; ưu tiên các nhiệm vụ trọng tâm, nhiệm vụ có tính nền tảng, nhiệm vụ đổi mới sáng tạo và các địa bàn còn khó khăn.

2. Đề án được thực hiện trong giai đoạn từ năm 2026 đến năm 2035, định hướng cho năm 2045.

VI. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Bộ Giáo dục và Đào tạo

a) Chủ trì xây dựng và hoàn thiện các thể chế để tổ chức để triển khai các nhiệm vụ của Đề án; ban hành Kế hoạch triển khai thực hiện Đề án theo giai đoạn; xây dựng, hoàn thiện hệ thống tiêu chí, chỉ số đánh giá chất lượng và kết quả thực hiện Đề án.

b) Chủ trì rà soát, phát triển Chương trình GDPT 2018 theo hướng kế thừa, ổn định, tinh giản, hiện đại, linh hoạt; tăng cường giáo dục đạo đức, lịch sử, văn hóa, khoa học, công nghệ, tin học, nghệ thuật, thể chất, ngoại ngữ, hướng nghiệp, năng lực số và trí tuệ nhân tạo.

c) Chỉ đạo các địa phương đổi mới phương thức tổ chức dạy học, kiểm tra, đánh giá; tăng cường thực hành, trải nghiệm, vận dụng, cá thể hóa và tổ chức các hoạt động giáo dục phù hợp với điều kiện thực tế.

d) Chủ trì chỉ đạo, hướng dẫn việc chỉnh sửa, hoàn thiện, thẩm định sách giáo khoa, học liệu và tài nguyên giáo dục số phục vụ Chương trình GDPT.

đ) Chủ trì xây dựng và triển khai các chương trình, kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý giáo dục đáp ứng yêu cầu phát triển Chương trình GDPT.

e) Chủ trì phối hợp với các Bộ, ngành và địa phương trong quá trình triển khai Đề án; định kỳ tổng hợp dữ liệu, kết quả thực hiện, phản hồi của các cơ sở giáo dục và địa phương; kịp thời tổng hợp những khó khăn, vướng mắc, đề xuất cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định; xây dựng và tổ chức thực hiện cơ chế theo dõi, đôn đốc, kiểm tra, giám sát, đánh giá và báo cáo kết quả thực hiện Đề án; tổ chức sơ kết, tổng kết Đề án.

2. Bộ Nội vụ

a) Chủ trì, phối hợp với Bộ Giáo dục và Đào tạo rà soát, hoàn thiện cơ chế về tổ chức bộ máy, vị trí việc làm, số lượng và cơ cấu đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý giáo dục phù hợp với yêu cầu thực hiện Chương trình giáo dục phổ thông.

b) Phối hợp với Bộ Giáo dục và Đào tạo và địa phương giải quyết những khó khăn về đội ngũ, nhất là đối với các môn học, lĩnh vực còn thiếu giáo viên và những địa bàn khó khăn; nghiên cứu, đề xuất các cơ chế, chính sách về đội ngũ thuộc thẩm quyền, bảo đảm thực hiện mục tiêu phát triển Chương trình giáo dục phổ thông.

3. Bộ Tài chính

Chủ trì, phối hợp với Bộ Giáo dục và Đào tạo và các bộ, cơ quan trung ương, địa phương có liên quan tổng hợp trình cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định bố trí kinh phí từ ngân sách nhà nước để thực hiện Đề án theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước và các quy định khác có liên quan.

4. Bộ Quốc phòng và Bộ Công an

a) Chủ trì, phối hợp với Bộ Giáo dục và Đào tạo và các cơ quan liên quan chỉ đạo, hướng dẫn, tổ chức thực hiện Đề án tại cơ sở giáo dục phổ thông trực thuộc phù hợp với nhiệm vụ, tính chất, đặc thù của cơ sở giáo dục thuộc lực lượng vũ trang.

b) Tổ chức giám sát, kiểm tra, thường xuyên đánh giá, tổng hợp kết quả thực hiện Đề án tại các cơ sở giáo dục trực thuộc; phối hợp với Bộ Giáo dục và Đào tạo bảo đảm an ninh, an toàn trong quá trình triển khai các nhiệm vụ của Đề án; định kỳ gửi báo cáo Bộ Giáo dục và Đào tạo để tổng hợp, báo cáo Thủ tướng Chính phủ.

5. Bộ Dân tộc và Tôn giáo

Phối hợp với Bộ Giáo dục và Đào tạo, các bộ, ngành, địa phương có liên quan triển khai thực hiện Đề án tại vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, bảo đảm công bằng trong tiếp cận và thụ hưởng giáo dục đối với học sinh vùng dân tộc thiểu số và miền núi; nghiên cứu, triển khai các mô hình tổ chức giáo dục phù hợp với đặc điểm kinh tế - xã hội, văn hóa, ngôn ngữ và điều kiện thực tế của vùng dân tộc thiểu số và miền núi; kiểm tra, giám sát, đánh giá việc thực hiện Đề án; tổng hợp, phản ánh các khó khăn, vướng mắc và đề xuất giải pháp trong quá trình tổ chức thực hiện.

6. Bộ Khoa học và Công nghệ

Phối hợp với Bộ Giáo dục và Đào tạo triển khai các nhiệm vụ về khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số, năng lực số và trí tuệ nhân tạo trong Chương trình giáo dục phổ thông; phát triển, kết nối và khai thác các nền tảng, hạ tầng, dữ liệu và công nghệ phục vụ giáo dục theo chức năng, nhiệm vụ và thẩm quyền; thúc đẩy kết nối giữa cơ sở giáo dục với các tổ chức khoa học, công nghệ, doanh nghiệp đổi mới sáng tạo, góp phần phát triển giáo dục STEM/STEAM, nghiên cứu khoa học và đổi mới sáng tạo trong học sinh.

7. Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch

Phối hợp với Bộ Giáo dục và Đào tạo triển khai các nội dung về giáo dục văn hóa, lịch sử, di sản, nghệ thuật, thẩm mỹ, thể chất và phát triển toàn diện học sinh; khai thác các thiết chế văn hóa, bảo tàng, di tích lịch sử - văn hóa, cơ sở thể thao và các nguồn lực thuộc phạm vi quản lý để phục vụ hoạt động giáo dục; triển khai các chương trình, hoạt động giáo dục góp phần giữ gìn, phát huy bản sắc văn hóa dân tộc và nâng cao đời sống văn hóa, tinh thần của học sinh.

8. Các bộ, cơ quan liên quan

Chủ động phối hợp với Bộ Giáo dục và Đào tạo thực hiện các nhiệm vụ của Đề án có liên quan đến lĩnh vực quản lý nhà nước của đơn vị; lồng ghép các mục tiêu, nhiệm vụ của Đề án vào chiến lược, quy hoạch, kế hoạch, chương trình, đề án thuộc lĩnh vực được phân công; phối hợp bảo đảm các điều kiện về cơ chế, chính sách, nguồn lực và môi trường thực hiện Chương trình GDPT theo chức năng, nhiệm vụ được giao.

9. Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố

a) Xây dựng và tổ chức thực hiện Kế hoạch triển khai Đề án trên địa bàn phù hợp với mục tiêu, nhiệm vụ của Đề án và điều kiện kinh tế - xã hội của địa phương.

b) Bảo đảm các điều kiện thực hiện Chương trình giáo dục phổ thông, bao gồm mạng lưới trường lớp, đội ngũ nhà giáo, cơ sở vật chất, thiết bị dạy học, học liệu và các điều kiện cần thiết khác theo quy định. Bố trí và sử dụng nguồn lực của địa phương để thực hiện các mục tiêu của Đề án; ưu tiên nguồn lực cho vùng

khó khăn, vùng dân tộc thiểu số, miền núi, biên giới, hải đảo và các đối tượng học sinh còn khó khăn trong tiếp cận giáo dục.

c) Tổ chức thực hiện các nội dung đổi mới chương trình, phương pháp dạy học, kiểm tra đánh giá, chuyển đổi số, giáo dục STEM/STEAM, ngoại ngữ, hướng nghiệp và các hoạt động giáo dục khác theo hướng dẫn của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

d) Chủ động huy động và sử dụng các nguồn lực hợp pháp của xã hội để phát triển giáo dục phổ thông; bảo đảm công khai, minh bạch và đúng quy định.

đ) Tổ chức kiểm tra, đánh giá kết quả thực hiện Đề án trên địa bàn; thực hiện chế độ thông tin, báo cáo theo yêu cầu của Bộ Giáo dục và Đào tạo và cấp có thẩm quyền.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành.

Điều 3. Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố, Thủ trưởng các cơ quan, tổ chức và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Nơi nhận:

- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các bộ, cơ quan ngang bộ;
- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố;
- Văn phòng Trung ương Đảng;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Văn phòng Quốc hội;
- Ủy ban Văn hóa và Xã hội của Quốc hội;
- Hội đồng Quốc gia Giáo dục và Phát triển nhân lực;
- Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cơ quan trung ương của các tổ chức chính trị - xã hội;
- Đài Truyền hình Việt Nam, Đài Tiếng nói Việt Nam, Thông tấn xã Việt Nam;
- VPCP: BTCN, các PCN, Trợ lý TTg, TGĐ Công TTĐT, các Vụ, Cục, đơn vị trực thuộc, Công báo;
- Lưu: VT, KGVX (2b), Sơn.

**KT. THỦ TƯỚNG
PHÓ THỦ TƯỚNG**

Lê Tiến Châu

Phụ lục

PHÂN CÔNG NHIỆM VỤ TRIỂN KHAI THỰC HIỆN ĐỀ ÁN
(Ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-TTg ngày tháng năm 2026 của Thủ tướng Chính phủ)

STT	Nội dung nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian hoàn thành	Kết quả, sản phẩm
I. NHIỆM VỤ CHUNG					
1	Xây dựng, ban hành xây dựng Đề án phát triển Chương trình giáo dục phổ thông giai đoạn 2026-2030, định hướng đến năm 2045	Bộ Giáo dục và Đào tạo	Các bộ, cơ quan liên quan, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố	Tháng 04/2026	Kế hoạch xây dựng Đề án phát triển Chương trình giáo dục phổ thông giai đoạn 2026-2030, định hướng đến năm 2045 (Kế hoạch số 688/KH-BGDDT ngày 23/4/2026)
2	Xây dựng, ban hành Kế hoạch triển khai thực hiện Đề án giai đoạn 2026 - 2030	Bộ Giáo dục và Đào tạo	Các bộ, cơ quan liên quan, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố	Tháng 12/2026	Kế hoạch triển khai thực hiện Đề án giai đoạn 2026 - 2030 và phụ lục phân kỳ hằng năm được ban hành
3	Xây dựng, ban hành Kế hoạch triển khai thực hiện Đề án tại địa phương giai đoạn 2026 - 2030, định hướng đến năm 2045	Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố	Bộ Giáo dục và Đào tạo, các bộ, cơ quan liên quan	Tháng 01/2027	Kế hoạch triển khai thực hiện Đề án tại địa phương giai đoạn 2026 - 2030, định hướng đến năm 2045

STT	Nội dung nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian hoàn thành	Kết quả, sản phẩm
					được ban hành và được rà soát, cập nhật hằng năm
4	Xây dựng, ban hành Kế hoạch thực hiện Đề án hằng năm	Bộ Giáo dục và Đào tạo	Các bộ, cơ quan liên quan, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố	Tháng 01 hằng năm	Kế hoạch thực hiện Đề án hằng năm được ban hành
5	Theo dõi, đôn đốc, kiểm tra, giám sát, đánh giá và báo cáo kết quả thực hiện Đề án	Bộ Giáo dục và Đào tạo	Các bộ, cơ quan liên quan, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố	Hằng năm	- Kế hoạch kiểm tra, giám sát; - Thông báo hoặc kết luận kiểm tra; - Báo cáo kết quả thực hiện hằng năm.
6	Tổ chức sơ kết, tổng kết Đề án	Bộ Giáo dục và Đào tạo	Các bộ, cơ quan liên quan, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố	- Sơ kết: Tháng 12/2030; - Tổng kết: Tháng 12/2035.	- Báo cáo sơ kết Đề án giai đoạn 2026 - 2030; - Báo cáo tổng kết Đề án 2026 - 2035.
II. CHỈNH SỬA CHƯƠNG TRÌNH TỔNG THỂ VÀ CHƯƠNG TRÌNH CÁC MÔN HỌC, HGDGD					
1	Rà soát, đánh giá toàn diện Chương trình GDPT	Bộ Giáo dục và Đào tạo	Các bộ, cơ quan liên quan; các	Tháng 10/2026	Báo cáo kết quả rà soát Chương trình GDPT

STT	Nội dung nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian hoàn thành	Kết quả, sản phẩm
			trường đại học và Sở GDĐT.		
2	Điều chỉnh, bổ sung Chương trình tổng thể, Chương trình môn học và hoạt động giáo dục	Bộ Giáo dục và Đào tạo	Các bộ, cơ quan liên quan; các trường đại học và Sở GDĐT.	Tháng 12/2026	Thông tư sửa đổi, bổ sung một số nội dung về chương trình GDPT kèm theo Thông tư số 32/2018/TT-BGDĐT và các Thông tư sửa đổi, bổ sung Thông tư số 32/2018/TT-BGDĐT
3	Tổ chức chỉnh sửa sách giáo khoa và biên soạn các học liệu kèm theo	Bộ Giáo dục và Đào tạo	Các bộ, cơ quan liên quan; các trường đại học; Sở GDĐT; Nhà xuất bản GDVN	Tháng 12/2027	Bộ SGK được chỉnh sửa và hoàn thiện đưa vào sử dụng từ năm học 2028-2029
4	Tổ chức tập huấn giáo viên triển khai nội dung Chương trình GDPT sau điều chỉnh bổ sung; tập huấn hướng dẫn sử dụng SGK sau chỉnh sửa, hoàn thiện	Bộ Giáo dục và Đào tạo	Các bộ, cơ quan liên quan; các trường đại học; Sở GDĐT	Tháng 7/2028	Báo cáo kết quả tập huấn triển khai Chương trình GDPT và SGK chỉnh sửa hoàn thiện.

STT	Nội dung nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian hoàn thành	Kết quả, sản phẩm
5	Tổ chức thực hiện và nâng cao chất lượng giáo dục phổ thông; tiếp tục cập nhật Chương trình GDPT theo sự phát triển của khoa học, công nghệ và thị trường lao động	Bộ Giáo dục và Đào tạo	Các bộ, cơ quan liên quan; các trường đại học; Sở GDĐT	Tháng 12/2035	Kết quả về chất lượng giáo dục toàn diện, mũi nhọn; Chương trình GDPT và SGK chỉnh sửa hoàn thiện.
6	Tổ chức tổng kết Đề án, xây dựng định hướng đổi mới Chương trình giáo dục phổ thông để triển khai sau năm 2035.	Bộ Giáo dục và Đào tạo	Các bộ, cơ quan liên quan; Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố; các trường đại học; Sở GDĐT; cơ sở giáo dục phổ thông	Tháng 12/2035	Báo cáo kết quả triển khai Đề án; đánh giá chất lượng thực hiện Đề án; giải pháp và định hướng đến năm 2045.
III. HOÀN THIỆN THỂ CHẾ, CHÍNH SÁCH VÀ ĐIỀU KIỆN THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC PHỔ THÔNG					
1	Rà soát, bổ sung số lượng, cơ cấu giáo viên phù hợp với thời lượng dạy học của	Bộ Giáo dục và Đào tạo	Bộ Nội vụ, Bộ Tài chính, Bộ Dân tộc và Tôn giáo, các bộ, cơ quan liên quan,	- Rà soát số lượng, cơ cấu đội ngũ giáo viên hằng năm.	- Báo cáo rà soát đội ngũ giáo viên về số lượng cơ cấu theo thời lượng dạy

STT	Nội dung nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian hoàn thành	Kết quả, sản phẩm
	Chương trình giáo dục phổ thông sau chỉnh sửa.		Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố	- Ban hành các quy định về việc tuyển dụng, bổ sung giáo viên cho các môn học và HĐGD có điều chỉnh số tiết học. Tháng 12/2027.	học của Chương trình GDPT sau chỉnh sửa. - Thông tư quy định định mức số lượng người làm việc trong cơ sở giáo dục phổ thông được ban hành.
2	Tổ chức tuyển dụng bổ sung, điều chuyển cán bộ quản lý giáo dục và giáo viên để bảo đảm đủ số lượng, cơ cấu triển khai Chương trình GDPT sau chỉnh sửa	Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố	Bộ Giáo dục và Đào tạo, các bộ, cơ quan liên quan	Tháng 06/2028	Giáo viên được tuyển dụng, điều chuyển tại các địa phương để bảo đảm đủ số lượng, cơ cấu cán bộ quản lý và giáo viên để thực hiện Chương trình GDPT sau chỉnh sửa
3	Nghiên cứu, hoàn thiện các quy định về cơ sở vật chất, thiết bị dạy học phù hợp với Chương trình GDPT sau chỉnh sửa	Bộ Giáo dục và Đào tạo	Bộ Tài chính, Bộ Dân tộc và Tôn giáo, các bộ, cơ quan liên quan, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố	Tháng 06/2027	Thông tư sửa đổi, bổ sung các Thông tư quy định về danh mục thiết bị dạy học tối thiểu

STT	Nội dung nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian hoàn thành	Kết quả, sản phẩm
4	Tổ chức quy hoạch mạng lưới trường lớp, mua sắm thiết bị dạy học bảo đảm đủ thiết bị dạy học theo Chương trình GDPT sửa đổi	Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố	Bộ Giáo dục và Đào tạo, các bộ, cơ quan liên quan	Tháng 06/2028	Thiết bị được mua sắm và bàn giao cho các cơ sở giáo dục phổ thông sử dụng